

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PĂH
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số : 17/2024/HNGĐ-ST

Ngày : 19/7/2024

“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PĂH - GIA LAI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo
- Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Trịnh Văn Nguyên;
+ Bà Nguyễn Thị Kim Hậu.
- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Nữ Hương Giang
- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh – Gia Lai tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Minh Diệp

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại Hội trường xét xử TAND huyện Chư Păh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 09/2024/HSST-HNGĐ, ngày 18 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp: Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 09a/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1989 (có mặt)
Địa chỉ: Thôn G, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai
- Bị đơn: Chị Luyện Thị C, sinh năm 1989 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn G, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16 tháng 01 năm 2024 của anh nộp ngày 16 tháng 01 năm 2024, bản tự khai, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Nguyễn Văn K trình bày:

Anh và chị Luyện Thị Cúc n tìm hiểu và đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai vào năm 2010. Vợ chồng chung sống hạnh phúc

đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tôn trọng nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng đã báo cho gia đình hai bên can thiệp hòa giải nhưng tình hình không thay đổi nên anh chị đã ly thân từ đầu năm 2023 đến nay. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị **C**.

Về con chung: anh chị có 02 con chung: **Nguyễn Hoàng Nhật D**, sinh ngày 27/3/2011 và **Nguyễn Thị Nhật T**, sinh ngày 10/6/2015

Tại bản khai và các buổi hòa giải, anh **K** có nguyện vọng được nuôi con **Nguyễn Hoàng Nhật D** và giao con chung **Nguyễn Thị Nhật T** cho chị **C** chăm sóc nuôi dưỡng. Tuy nhiên, quá trình Tòa án giải quyết, chị **C** cho Tòa án bản tự khai còn lại đều vắng mặt, đồng thời xác minh ở địa phương chị **C** cũng hay đi làm ăn xa không chăm sóc các con, việc chăm sóc 02 con đều do anh **K** chăm sóc nuôi dưỡng. Vì vậy, tại phiên tòa hôm nay, anh thay đổi yêu cầu đối với con chung. Anh yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là **Nguyễn Hoàng Nhật D** và **Nguyễn Thị Nhật T**.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu chị **C** cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung và các nghĩa vụ chung khác: anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: anh tự nguyện chịu toàn bộ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- *Bị đơn chị **Luyện Thị C** trình bày tại bản khai:* Chị và anh **Nguyễn Văn K** tự nguyện tìm hiểu nhau một thời gian và đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại **UBND xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai** vào năm 2010. Quá trình chung sống, bản thân chị nhận thấy vợ chồng vẫn hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì, về phía gia đình hai bên cũng không có vấn đề gì nên anh **K** yêu cầu ly hôn với chị, chị không đồng ý, chị muốn gia đình đoàn tụ.

Về con chung: anh chị có 02 con chung: **Nguyễn Hoàng Nhật D**, sinh ngày 27/3/2011 và **Nguyễn Thị Nhật T**, sinh ngày 10/6/2015

Chị không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết về phần con chung cũng như tài sản chung và các nghĩa vụ chung khác.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về việc nếu ý kiến đối với phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Thông báo về phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự, chị **C** đều được Tòa án thông báo bằng văn bản, tuy nhiên chị **C** chỉ cung cấp cho Tòa án bản tự khai trình bày ý kiến của mình chứ không đến tham gia Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và nguyên đơn là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hôn nhân:* anh **K thấy tình cảm vợ chồng không còn, thường xuyên cãi vã, đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2023 đến nay nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị **C**.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, tại bản tự khai, chị **C** cho rằng vợ chồng đang sống hạnh phúc và không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, Tòa án đã thông báo hòa giải nhiều lần nhưng chị **C** đều vắng mặt tại các buổi hòa giải, thể hiện chị **C** không có thiện chí hàn gắn tình cảm để cùng anh **K** đoàn tụ gia đình. Căn cứ Điều 56 Luật HNGĐ, đề nghị HĐXX chấp nhận cho anh **Nguyễn Văn K** được ly hôn với chị **Luyện Thị C**.

Về con chung:* Xét nguyện vọng của anh **K tại phiên tòa và xét nguyện vọng của cháu **Nguyễn Thị Nhật T** muốn ở với bố và thực tế anh **K** hiện đang chăm sóc nuôi dưỡng các con, chị **C** đi làm ăn xa không có mặt ở địa phương. Căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 Luật HNGĐ đề nghị HĐXX giao con chung là cháu **D** và cháu **T** cho anh **K** chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên và có khả năng lao động hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh **K** không yêu cầu nên không xem xét.

**Tài sản chung và các nghĩa vụ chung khác:* Các bên không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí:* Buộc anh **K phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn của Nguyên đơn anh **Nguyễn Văn K** đối với bị đơn chị **Luyện Thị C** có địa chỉ **Thôn G, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai** thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị **Luyện Thị C** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị **C** chỉ đến Tòa tự khai 1 lần và vắng mặt không có lý do, vì vậy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Văn K và chị Luyện Thị C tự nguyện tìm hiểu và kết hôn tại UBND xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai vào ngày 15/7/2010. Việc kết hôn của anh chị đúng theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn theo anh K trình bày là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tôn trọng nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, gia đình hai bên cũng nhiều lần hòa giải nhưng tình hình không thay đổi nên anh chị đã ly thân từ đầu năm 2023 đến nay, giữa hai bên không quan tâm gì đến nhau, mỗi bên tự lo làm ăn kinh tế riêng. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, tại bản tự khai, chị C cho rằng vợ chồng đang sống hạnh phúc và không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, Tòa án đã thông báo hòa giải nhiều lần nhưng chị C đều vắng mặt tại các buổi hòa giải, thể hiện chị C không có thiện chí hàn gắn tình cảm để cùng anh K đoàn tụ gia đình, đồng thời tại biên bản xác minh về mâu thuẫn của vợ chồng anh K và chị C, đại diện thôn G, xã I xác nhận việc anh K và chị C mâu thuẫn nhau là có thật, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không còn tình cảm với nhau nên thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, mặc dù được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không được nên vợ chồng anh chị đã sống ly thân. Nội dung xác minh trên cũng trùng khớp với lời trình bày của anh K. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng chị C không đến Tòa án. Tại phiên tòa, anh K vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn K xin ly hôn với chị Luyện Thị C.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung: Nguyễn Hoàng Nhật D, sinh ngày 27/3/2011 và Nguyễn Thị Nhật T, sinh ngày 10/6/2015

Trong đơn khởi kiện và tại các buổi làm việc, anh K có nguyện vọng được nuôi con Nguyễn Hoàng Nhật D và giao con chung Nguyễn Thị Nhật T cho chị C chăm sóc nuôi dưỡng nhưng chị C vắng mặt ở địa phương và theo xác minh ở địa phương xác nhận anh chị đã sống ly thân và hiện 02 con chung đang do anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, anh K cũng thay đổi yêu cầu đối với con chung. Anh K có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Nguyễn Hoàng Nhật D và Nguyễn Thị Nhật T.

Xét thấy, yêu cầu trên của anh K là chính đáng, lời khai 02 con chung cũng trình bày nguyện vọng là được ở cùng với bố. Vì vậy, việc chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh K là có căn cứ.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh Nguyễn Văn K không yêu cầu chị Luyện Thị C cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập đến phần quyết định của bản án.

Về tài sản chung và các nghĩa vụ chung khác: anh Nguyễn Văn K không yêu cầu Tòa án giải quyết, tại bản tự khai chị C cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và quy định tại Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội thì anh Nguyễn Văn K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Luật phí và Lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn K.

1.1 Về hôn nhân: anh Nguyễn Văn K được ly hôn với chị Luyến Thị C;

1.2 Về con chung: Giao 02 con chung: Nguyễn Hoàng Nhật D, sinh ngày 27/3/2011 và Nguyễn Thị Nhật T, sinh ngày 10/6/2015 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con thành niên có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân hoặc con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi sống bản thân.

1.3 Về cấp dưỡng nuôi con: anh K không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

1.4 Về tài sản chung và các nghĩa vụ chung khác: anh K và chị C đều không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn K phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp trước đây theo biên lai số 0008174 ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Păh. Anh Nguyễn Văn K đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/7/2024), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xem xét phúc

thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKS huyện Chư Păh;
- Chi cục THADS huyện Chư Păh;
- UBND xã Ia Nhin, H. Chư Păh**
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Văn Bảo